

Số: /GPMT-UBND

Đàm Hà, ngày tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND
huyện về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Đàm Hà
nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của
UBND huyện phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy
ban nhân dân huyện Đàm Hà khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Văn bản số 1556/CV-CTN ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị
cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước Đàm Hà tại thị trấn Đàm Hà,
huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh và Văn bản số 2084/CTN - CLN ngày
03/10/2024 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh về việc đề nghị cấp
giấy phép môi trường Nhà máy nước Đàm Hà tại thị trấn Đàm Hà, huyện Đàm
Hà, tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đàm Hà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh, địa chỉ
Địa chỉ văn phòng: Số 499, đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long, Quảng
Ninh thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy nước Đàm Hà tại
thị trấn Đàm Hà, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước Đầm Hà tại thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 5700100104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25/08/2010 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 5700100104

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cấp nước sinh hoạt

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 2367,8m² (theo Văn bản số 724/UBND-XD5 ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc bàn giao công trình Nhà máy nước thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh và Biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh ngày 31/5/2016)

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C

- Công suất: Tổng công suất 600m³/ngày đêm

- Nguồn nước đầu vào của Nhà máy: Nước Sông Đầm Hà được cấp phép Khai thác nước tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 3811/GP-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện theo yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện, UBND thị trấn Đầm Hà, phòng Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, hoặc thay đổi chủ dự án phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Đầm Hà.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 40 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Nếu trong thời hạn của giấy phép mà Nhà nước tiến hành thu hồi hoặc chấm dứt dự án thì Giấy phép này hết hiệu lực.

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 398/GP-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/09/2014 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, phối hợp các cơ quan liên quan và UBND thị trấn Đầm Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy nước Đầm Hà của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thị trấn Đầm Hà; Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện (B/c);
- Trung tâm Truyền thông và Văn hóa; (đăng công khai);
- Cổng thông tin điện tử huyện Đầm Hà; (đăng công khai);
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Cường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10
năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đàm Hà)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống xử lý nước thải chứa bùn cặn phát sinh trong quá trình xả, rửa bể lắng và bể lọc của quá trình xử lý nước cấp).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đàm Hà - đoạn chảy qua thị trấn Đàm Hà

- Dòng số 1 (nguồn số 1):
 - + Điểm xả: Hệ thống thoát nước chung khu vực nguồn tiếp nhận.
 - + Tọa độ: $X = 2362430.87$, $Y = 484440.05$ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng: Sông Đàm Hà - đoạn chảy qua thị trấn Đàm Hà.
- Dòng số 2 (nguồn số 2):
 - + Điểm xả: Hệ thống thoát nước chung khu vực nguồn tiếp nhận.
 - + Tọa độ: $X = 2362337.12$, $Y = 484432.45$ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng: Sông Đàm Hà - đoạn chảy qua thị trấn Đàm Hà.
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.2. Vị trí xả nước thải: tại thị trấn Đàm Hà, huyện Đàm Hà

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $22 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Lưu lượng nước thải công nghiệp tối đa xin cấp phép $21 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa xin cấp phép $1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt xả nước thải liên tục 24 giờ/ngày.
- Nước thải công nghiệp: Xả gián đoạn, không liên tục chỉ xả theo nhu cầu của Nhà máy.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

2.3.3.1. Nước thải công nghiệp

Thông số và nồng độ các chất thải ô nhiễm trong nước thải sau xử lý xả ra môi trường phải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 3:2020/QN – Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh, cột B (hệ số $K_q = 0,9$, $K_1 = 1$, $K_{qn} = 0,95$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	Màu	Pt/Co	150		
3.	TSS	mg/l	85,5		
4.	COD	mg/l	128,25		
5.	Amoni	mg/l	8,55		
6.	Clo dư	mg/l	1,71		
7.	Fe	mg/l	4,28		
8.	As	mg/l	0,0855		
9.	Hg	mg/l	0,00855		
10.	Pb	mg/l	0,4275		
11.	Cd	mg/l	0,0855		
12.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	8,55		
13.	Coliform	MPN/100ml	5000		

2.3.3.2. Nước thải sinh hoạt

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột B: Xả vào nguồn nước dùng

cho mục đích cấp nước sinh hoạt, hệ số K = 1,2 ứng với Cơ sở sản xuất dưới 500 người.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Coliform	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV:

+ Nước thải xí tiêu, bồn cầu → đường ống D110 → bể tự hoại → hố gom bổ sung viên nén khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thoát sàn, nước rửa tay → đường ống D90 → song chắn rác → hố gom bổ sung viên nén khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải sản xuất: Nước thải công nghiệp → Bể thu bùn → Nước trong → hệ thống thoát nước chung của Khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Bể tự hoại ba ngăn: Số lượng 01 bể

- Quy trình, công nghệ xử lý: Lắng cặn và lên men kỵ khí.
 - Tóm tắt quy trình xử lý:
 - + Nước thải xí tiêu, bồn cầu → đường ống D110 → bể tự hoại 3 ngăn, → nước khử trùng → hồ gom → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.
 - + Nước thoát sàn (theo đường ống D90) → song chắn rác → nước khử trùng → Hồ thu gom → Hệ thống thoát nước khu vực.
 - Công suất xử lý: 01 bể tự hoại ba ngăn, dung tích 6m³/bể, bể đặt ngầm sau nhà vệ sinh chung.
 - Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, men vi sinh bổ sung vào ngăn kỵ khí. Sử dụng định kỳ từ 03-06 tháng/lần hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này.
 - Đối với bùn cặn phát sinh: Hợp đồng với đơn vị có chức năng, định kỳ hút bùn đi xử lý.
- 1.2.2. Nước thải sản xuất
- Bể thu bùn: Số lượng 01 bể
 - Quy trình, công nghệ xử lý: Lắng trọng lực.
 - Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải công nghiệp phát sinh → Bể thu bùn → lắng trọng lực → Nước trong đạt Quy chuẩn môi trường → Hệ thống thoát nước của khu vực.
 - Công suất xử lý: dung tích bể 783,16m³ được chia thành 2 ngăn nằm ở phía Tây Nam Nhà máy.
 - Hóa chất sử dụng: Không.
 - Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 3:2020/QN-Quy chuẩn địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh- cột B ($K_q = 0,9$, $K_1 = 1,2$, $K_{qn} = 0,95$).
 - Đối với bùn phát sinh: Hợp đồng với đơn vị chức năng, định kỳ 06 tháng/lần hút bùn đưa đi xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể gom hoặc các thiết bị rời để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

Thực hiện các biện pháp quản lý giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó đối với hệ thống xử lý nước thải.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải.

Định kỳ tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải đầu ra để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải,

Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, công thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

Đơn vị được bàn giao quản lý dự án trong giai đoạn hoạt động có trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình xử lý nước thải đảm bảo hiệu quả trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đầu nối vào mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Nhà máy.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ cơ sở xây dựng, đã được Tổ kiểm tra của UBND huyện kiểm tra, thông qua theo quy định)

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Đầm Hà)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của phương tiện giao thông chở nguyên liệu ra vào Cơ sở.

- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy bơm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực xe ra vào Cơ sở.

- Khu vực đặt các máy bơm.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

T	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

T	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc, thiết bị. Vận hành thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Sử dụng móng bê tông và lắp đặt đệm giảm chấn để chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024
của UBND huyện Đầm Hà)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	5
2	Pin và ắc quy khác	Rắn	19 06 05	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giấy lau dầu, vải mềm, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	15
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	20
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2
6	Các chất thải khác có tính ăn mòn	Rắn	19 12 04	5
7	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	19 05 03	5
	Tổng cộng			57

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải lỏng (nhà bể tự hoại), bùn thải khô (khu xử lý nước sản xuất)	20 m ³ / năm
2	Vỏ bao đựng phèn	15 kg/ năm
3	Nhựa và cao su	10 kg/ năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

T	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	0,44
	Tổng	0,44

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 7 thùng nhựa loại dung tích từ 120L/thùng có nắp đậy cho từng loại chất thải nguy hại, thùng có kết cấu chống rò rỉ, ăn mòn, có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Vị trí: Khu chất thải nguy hại được bố trí ở phía Đông Nam nhà máy.

- Diện tích: 8,16m².

- Thiết kế, cấu tạo:

+ Kho chứa khép kín, vách ngăn được làm bằng chất liệu không cháy, nền bê tông, mái lợp tôn và có biển cảnh báo nguy hiểm tại cửa ra vào. Có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào. Có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng theo đúng quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa CTNH có dán nhãn từng loại CTNH, thùng chứa đảm bảo không gây phản ứng với CTNH.

+ Kho có trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Cơ sở thực hiện quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 24, Điều 25 và Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/ thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Vỏ bao đựng phèn, nhựa và cao su được lưu chứa vào các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít, ký với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn phát sinh từ các quá trình xử lý được tách nước, phơi khô tại sân phơi bùn; bùn khô được lưu chứa tại sân phơi, định kỳ thu gom, xử lý bởi đơn vị có chức năng.

- Bùn bề tự hoại được định kỳ thu gom, xử lý bởi đơn vị có chức năng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Lưu chứa trong kho hóa chất.

2.4. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải*

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: Chứa trong các ngăn bể thu bùn

2.4.2. Kho/khu vực lưu chứa: Bể thu bùn có dung tích 783,16m³, chia thành 2 ngăn tại khu vực xử lý nước thải công nghiệp.

2.5. *Quản lý chất thải phát sinh tại cơ sở đảm bảo theo quy định tại: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ cơ sở xây dựng, đã được Tổ kiểm tra của UBND huyện kiểm tra, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của cơ sở.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy trước khi đi vào vận hành.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố: Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng. Có kế hoạch và giải pháp xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý. Chỉ được tiếp tục hoạt động các công đoạn phát sinh của cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Hà)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, thu gom và xử lý tất cả các loại chất thải phát sinh của Dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, địa phương về môi trường hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi xả thải ra môi trường, nhằm đảm bảo các hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Trang bị bảo hộ cho người lao động làm việc tại các vị trí sản xuất trong nhà máy theo từng vị trí làm việc cụ thể. Trang bị khẩu trang chuyên dụng cho công nhân làm việc.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Chỉ được thực hiện các hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục pháp lý theo quy định.

- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có). Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân thị trấn Đàm Hà, Phòng Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn giải quyết./.